**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**Môn: Khoa học tự nhiên 6**

*Năm học: 2021 – 2022*

**I/ TRẮC NGHIỆM: *Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng***

**CHỦ ĐỀ: MỞ ĐẦU ĐẾN CHỦ ĐỀ 4**

**Câu 1:** Sự khác nhau cơ bản giữa các ngành khoa học Vật lí, Hóa học và Sinh học là:

1. Phương pháp nghiên cứu.
2. Đối tượng nghiên cứu.
3. Hình thức nghiên cứu.
4. Quá trình nghiên cứu.

**Câu 2:** Để phân biệt vật sống với vật không sống cần những đặc điểm nào sau đây?
I. Khả năng chuyển động.
II. Cần chất dinh dưỡng.
III. Khả năng lớn lên.
IV. Khả năng sinh sản.

1. II, III, IV. B. I, II, IV.

C. .I, II, III. D. I, III, IV.

**Câu 3:** Hành động nào sau đây không thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

A. Làm thí nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên.

B. Làm theo các thí nghiệm xem trên internet.

C. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm với hoá chất.

D. Rửa sạch tay sau khi làm thí nghiệm.

**Câu 4:** Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào?

A. Kính có độ. B. Kính lúp.

C. Kính hiển vi. D. Kính hiển vi hoặc kính lúp đều được.

**Câu 5:** Biển báo ở hình bên cho chúng ta biết điều gì?

 

A. Chất dễ cháy. B. Chất gây nổ

C. Chất ăn mòn. D. Phải đeo găng tay thường xuyên.

**Câu 6:**Khoa học tự nhiên nghiên cứu về lĩnh vực nào dưới đây?

A. Các sự vật, hiện tượng tự nhiên.

B. Các quy luật tự nhiên.

C. Những ảnh hưởng của tự nhiên đến con người và môi trường sống.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 7:** Dụng cụ nào trong các dụng cụ sau không được sử dụng để đo chiều dài?

A. Thước dây       B. Thước mét C. Thước kẹp       D. Compa

**Câu 8:** Khi đo độ dài một vật, người ta chọn thước đo:

A. Có GHĐ lớn hơn chiều dài cần đo và có ĐCNN thích hợp.

B**.** Có GHĐ lớn hơn chiều dài cần đo và không cần để ý đến ĐCNN của thước.

C. Thước đo nào cũng được.

D. Có GHĐ nhỏ hơn chiều dài cần đo vì có thể đo nhiều lần.

**Câu 9:** Dùng dụng cụ nào để đo khối lượng?

A. Thước.          B. Đồng hồ.        C. Cân.        D. lực kế.

**Câu 10.** Để đo thời gian của một vận động viên chạy 400m, loại đồng hồ thích hợp nhất là:

A. Đồng hồ treo tường B. Đồng hồ cát

C. Đồng hồ đeo tay D. Đồng hồ bấm giây

**Câu 11.** Cho các bước đo thời gian của một hoạt động gồm:

(1) Đặt mắt nhìn đúng cách

(2) Ước lượng thời gian hoạt động cần đo để chọn đồng hồ thích hợp

(3) Hiệu chỉnh đồng hồ đo đúng cách

(4) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định

(5) Thực hiện phép đo thời gian

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo thời gian của một hoạt động là:

A. (1), (2), (3), (4), (5) B. (3), (2), (5), (4), (1)

C. (2), (3), (1), (5), (4) D. (2), (1), (3), (5), (4)

**Câu 12.** Quá trình nào sau đây ***không*** thể hiện tính chất hóa học của chất?

A. Cơm để lâu trong không khí bị ôi, thiu.

B. Sắt để lâu trong không khí bị gỉ.

C. Nước để lâu trong không khí bị biên mất.

D. Đun nóng đường trên chảo quá nóng sinh ra chất có màu đen.

**Câu 13.** Chọn dãy cụm từ đúng trong các dãy cụm từ sau chỉ các vật thể:

A. Cây bút, con bò, cây hoa lan. B. Cái bàn gỗ, sắt, nhôm.

C. Kẽm, muối ăn, sắt. D. Muối ăn, sắt, cái bàn.

**Câu 14.** Dãy nào sau đây chỉ gồm các vật thể hữu sinh (vật sống)?

A. Cây mía, con bò. B. Cái bàn, lọ hoa.

C. Con mèo, xe đạp. D. Máy quạt, cây hoa hồng.

**Câu 15.** Để phân biệt tính chất hóa học của một chất ta thường dựa vào dấu hiệu nào sau đây?

A. Không có sự tạo thành chất. B. Có chất khí tạo ra.

C. Có chất rắn tạo ra. D. Có sự tạo thành chất mới.

**Câu 16.** Với cùng một chất, nhiệt độ nóng chảy cũng chính là:

A. Nhiệt độ sôi. B. Nhiệt độ đông đặc.

C. Nhiệt độ hóa hơi. D. Nhiệt độ ngưng tụ.

**Câu 17.** Sự sôi là:

**A.** Sự chuyển từ thể lỏng sang thể khí diễn ra trong lòng hoặc bề mặt chất lỏng**.**

**B.** Sự chuyển từ thể lỏng sang thể khí**.**

**C.** Sự chuyển từ thể khí sang thể lỏng**.**

**D.** Sự chuyển từ thể lỏng sang thể rắn**.**

**Câu 18.** Lọ nước hoa để trong phòng có mùi thơm. Điều này thể hiện

**A.** Chất dễ nén được. **B.** Chất dễ nóng chảy.

**C.** Chất dễ hóa hơi. **D.** Chất không chảy được.

**Câu 19.** Oxygen có tính chất nào sau đây?

A. Ở điều kiện thường, oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, ít tan trong nước, nặng hơn không khí, không duy trì sự cháy.

B. Ở điều kiện thường, oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, ít tan trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

C. Ở điều kiện thường, oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, ít tan trong nước, nhẹ hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

D. Ở điều kiện thường, oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan nhiều trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống

**Câu 20.** Quá trình nào dưới đây ***không*** làm giảm lượng oxi trong không khí?

A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt B. Sự cháy của than, củi, bếp ga

C. Sự quang hợp của cây xanh D. Sự hô hấp của động vật

**Câu 21.** Thành phẩn nào của không khí là nguyên nhân chủ yếu gây ra hiệu ứng nhà kính?

A. Oxygen. B. Hidrogen.

C. Carbon dioxide. D. Nitrogen.

**Câu 22.** Để phân biệt 2 chất khí là oxygen và carbon dioxide, em nên lựa chọn cách nào dưới đây?

A. Quan sát màu sắc của 2 khí đó.

B. Ngửi mùi của 2 khí đó.

C. Oxygen duy trì sự sống và sự cháy.

D. Dẫn từng khí vào cây nến đang cháy, khí nào làm nến cháy tiếp thì đó là oxygen, khí làm tắt nến là carbon dioxide.

**Câu 23.** Khi nào thì môi trường không khí được xem là bị ô nhiễm?

A. Khi xuất hiện thêm chất mới vào thành phẩn không khí.

B. Khi thay đổi tỉ lệ % các chất trong môi trường không khí.

C. Khi thay đổi thành phẩn, tỉ lệ các chất trong môi trường không khí và gâỵ ảnh hưởng đến sức khoẻ con người và các sinh vật khác.

D. Khi tỉ lệ % các chất trong môi trường không khí biến động nhỏ quanh tỉ lệ chuẩn.

**Câu 24.** Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

A. Thuỷ tinh. B. Gốm.

C. Kim loại. D. Cao su.

**Câu 25.** Vật liệu nào sau đây không thể tái chế?

A. Thuỷ tỉnh. B. Thép xây dựng.

C. Nhựa composite. D. Xi măng.

**Câu 26.** Khi khai thác quặng sắt, ý nào sau đây là không đúng?

A. Khai thác tiết kiệm vì nguồn quặng có hạn.

B. Tránh làm ô nhiễm môi trường.

C. Nên sử dụng các phương pháp khai thác thủ công.

D. Chế biến quảng thành sản phẩm có giá trị để nâng cao hiệu quả kinh tế.

**Câu 27.** Cây trồng nào sau đây không được xem là cây lương thực?

A. Lúa gạo. B. Ngô. C. Mía. D. lúa mì.

**Câu 28.** Loại nguyên liệu nào sau đây hầu như không thể tái sinh?

A.Gỗ. B. Bông. C. Dầu thô. D. Nông sản.

**Câu 29.** Người ta khai thác than đá để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện sản xuất điện. Lúc này, than đá được gọi là

A. vật liệu. B. nhiên liệu.

C. nguyên liệu. D. vật liệu hoặc nguyên liệu

**Câu 30.** **Để duy trì một sức khỏe tốt với chế độ ăn hợp lí ta nên làm gì?**

A. Kiên trì chạy bộ. B. Liên tục ăn các chất dinh dưỡng.

C.Ăn đủ, đa dạng. D. Tập trung vào việc học nhiều hơn.

**CHỦ ĐỀ 5: CHẤT TINH KHIẾT- HỖN HỢP-**

**PHƯƠNG PHÁP TÁCH CÁC CHẤT**

**Câu 31:** Trường hợp nào sau đây là chất tinh khiết?

A. nước biển B. nước cất

C. nước khoáng D. gỗ

**Câu 32:** Để phân biệt chất tinh khiết và hỗn hợp ta dựa vào:

A. tính chất của chất. B. thể của chất.

C. mùi vị của chất. D. số chất tạo nên.

**Câu 33:** Muốn hoà tan được nhiều muối ăn vào nước, ta ***không nên*** sử dụng phương pháp nào dưới đây?

A. nghiền nhỏ muối ăn B. đun nóng nước

C. vừa cho muối ăn vào vừa khuấy đều D. bỏ thêm đá

**Câu 34:** Hỗn hợp nào sau đây ***không được*** xem là dung dịch?

A. hỗn hợp nước đường. B. hỗn hợp nước muối

C. hỗn hợp bột mì và nước khuấy đều. D. hỗn hợp nước và rượu.

**Câu 35.** Hai chất lỏng không hoà tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau thì gọi là:

A. dung dịch B. huyền phù

C. nhũ tương D. chất tinh khiết

**Câu 36.** Hỗn hợp nào sau đây là huyền phù?

A. Nước muối B. Nước phù sa

C. Nước trà D. Nước máy

**Câu 37.** Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được

A. nhủ tương. B. huyền phù.

C. dung dịch. D. dung môi

**Bài 38:** Muối ăn chiếm ~ 3,5% về khối lượng trong nước biển. Người dân vùng ven biển có thể làm cách nào để thu được muối ăn từ nước biển?

A. làm bay hơi nước dưới ánh nắng mặt trời

B. lọc muối ăn từ nước biển

C. đun sôi nước biển cho đến khi nước bay hơi hết

D. gạn muối ăn từ nước biển

**Câu 39:** Độ tan của chất rắn phụ thuộc vào:

A. áp suất B. loại chất

C. môi trường D. nhiệt độ

**Câu 40.**  Đánh dấu X vào các cột tương ứng trong bảng sau cho phù hợp?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hỗn hợp** | **Đồng nhất** | **Không đồng nhất** | **Huyền phù** | **Nhũ tương** |
| Bột mì và nước |  |  |  |  |
| Giấm ăn |  |  |  |  |
| Sữa đặc và nước |  |  |  |  |
| Kem chống nắng |  |  |  |  |
| Nước muối sinh lí |  |  |  |  |

**Câu 41.** Nối thông tin 2 cột cho phù hợp với nhau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** | **Đáp án** |
| a, Nước pha bột sắn | 1, trong suốt không màu, khi đun nóng một thời gian không cò lại gì trong cốc. |  |
| b, Nước muối | 2, trong suốt không màu, khi đun nóng một thời gian còn lại bột rắn màu trắng trong cốc. |  |
| c, Rượu | 3, trắng đục, sau một thời gian lắng đọng bột màu trắng trong cốc. |  |
| d, Nước trộn dầu ăn | 4, tách thành 2 lớp chất lỏng |  |

**Câu 42.** Cho các tính chất sau: (1) trong suốt ; (2) đục (không trong suốt) ; (3) để lâu không thay đổi ; (4) để lâu có thể tạo ra kết tủa rắn ; (5) để lâu có thể tách lớp chất lỏng. Các tính chất của dung dịch, huyền phù, nhũ tương lần lượt là:

A. (1) và (3) ; (2) và (4) ; (2) và (5) B. (1) và (3) ; (2) và (5) ; (2) và (4)

C. (2) và (3) ; (1) và (4) ; (1) và (5) D. (2) và (4) ; (2) và (3) ; (1) và (5)

**Câu 43.** Hình ảnh dưới đây minh họa cho trạng thái nào của hỗn hợp?



A. Dung dịch B. Huyền phù

C. Nhũ tương D. Hỗn hợp đồng nhất

**Câu 44.** Để pha cà phê nhanh hơn thì ta cho vào cốc:

A. Nước nóng B. Nước trong tủ lạnh

C. Nước nguội ở nhiệt độ phòng D. Nước nóng và dùng thìa khuấy

**Câu 45.**  Chất rắn nào **không tan** trong nước kể cả nước nóng?

A. Bột gạo nếp B. Muối hạt to C. Đường kính D. Cát

**Câu 46.**  Phễu chiết dùng để:

A. Tách chất rắn ra khỏi dung dịch

B. Tách hỗn hợp hai chất khí

C. Tách hai chất lỏng không tan vào nhau

D. Tách hỗn hợp hai chất rắn

**Câu 47.** Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là gì?

A.Tách hơi nước ra khỏi không khí hít vào.

B.Tách oxygen ra khỏi không khí hít vào.

C. Tách khí carbon dioxide ra khỏi không khí hít vào.

D.Tách khói bụi ra khỏi không khí hít vào

**Câu 48.** Một số phương pháp vật lý thường dùng để tách chất ra khỏi hỗn hợp là:

A. Phương pháp lọc, cô cạn.

B. Phương pháp cô cạn, chiết

C. Phương pháp chiết, chưng cất.

D. Phương pháp chưng cất lọc, cô cạn và chiết.

**Câu 49.** Một hỗn hợp gồm bột sắt và đồng, có thể tách riêng hai chất bằng cách nào sau đây?

A. Hòa tan vào nước.

B. Lắng, lọc.

C. Dùng nam châm để hút.

D. Tất cả đều đúng.

**Câu 50.**  Benzen là chất lỏng không tan trong nước và nhẹ hơn nước. Để tách benzen ra khỏi nước người ta dùng phương pháp nào sau đây?

A. ChiếtB. Chưng cất C. Lọc D. Cô cạn

**Câu 51.** Trong dầu hỏa người ta thấy có lẫn cát và nước. Thực hiện lần lượt phương pháp nào sau đây để tách cát và nước ra khỏi dầu hỏa?

A. Dùng phương pháp lắng hoặc lọc để tách cát, sau đó dùng phương pháp chiết để tách dầu ra khỏi nước

B. Dùng phương pháp bay hơi để tách dầu và nước ra khỏi cát

C. Dùng phương pháp lọc để tách cát, sau đó dùng phương pháp bay hơi để tách dầu ra khỏi nước

D. Chỉ dùng phương pháp lọc.

**Câu 52.** Có một số phương pháp tách phổ biến như bay hơi, chưng cất, chiết, lọc. Phương pháp nào thích hợp để tách bụi từ không khí?

A. Bay hơi B. Chưng cất C. Lọc D. Chiết

**CHỦ ĐỀ 6: TẾ BÀO- ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỐNG**

**Câu 53** : Vật nào sau đây được cấu tạo từ tế bào ?

A.Xe ô tô B. Cây cầu

C. Ngôi nhà D. Cây bạch đàn

**Câu 54**: Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Màng tế bàoB. Chất tế bàoC. Nhân tế bàoD. Vùng nhân |  |

**Câu 55**: Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào ?

|  |  |
| --- | --- |
| A.Màng tế bàoB.Chất tế bàoC.Nhân tế bàoD.Vùng nhân |  |

**Câu 56**. Đặc điểm của tế bào nhân thực là:

A. có thành tế bào

B. có chất tế bào

C. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền

D. có lục lạp

**Câu 57**. Khi một tế bào lớn lên và sinh sản có bao nhiêu tế bào mới hình thành ?

A.8 B.6 C.4 D.2

**Câu 58**. Quan sát hình ảnh trùng roi và trả lời các câu hỏi :

|  |  |
| --- | --- |
| a)Thành phần cấu trúc x (có màu xanh) trong hình bên là gì ?A. Lục lap B. Nhân tế bàoC. Không bào D. Thức ănb) Chức năng của thành phần cấu trúc x là gì ?A. Hô hấp B. Chuyển độngC. Quang hợp D. Sinh sản |  |

**Câu 59.** Quan sát cấu tạo tế bào thực vật trong hình bên và trả lời các câu hỏi sau:



**a.** Thành phần nào là màng tế bào?

A. (1) B. (2) C. (3) D. (4)

**b.** Thành phần nào có chức năng điều khiển hoạt động của tế bào?

A. (1) B. (2) C. (3) D. (4)

**Câu 60.** Trong các bộ phận sau, có bao nhiêu bộ phận có ở cả tế bào thực vật và tế bào động vật ?

1. Chất tế bào 2. Màng sinh chất 3. Vách tế bào 4. Nhân

A. 3 B. 2 C. 1 D. 4

**Câu 61.** Khi quan sát dưới kính hiển vi, các tế bào vảy hành thường có hình lục giác, thành phần nào của chúng đã quyết định điều đó ?

A. Không bào B. Nhân

C. Vách tế bào D. Màng sinh chất

**Câu 62.** Phát biểu nào sau đây về quá trình lớn lên và phân chia tế bào thực vật là **đúng** ?

A. Khi tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định thì sẽ xảy ra quá trình phân chia.

B. Sau mỗi lần phân chia, từ một tế bào mẹ sẽ tạo ra 3 tế bào con giống hệt mình.

C. Sự phân tách chất tế bào là giai đoạn đầu tiên trong quá trình phân chia.

D. Phân chia tế bào không phải là nhân tố giúp thực vật sinh trưởng và phát triển.

**Câu 63.** Cơ thể động vật lớn lên chủ yếu tố nào dưới đây ?

1. Sự hấp thụ và ứ đọng nước trong dịch tế bào theo thời gian.

2. Sự gia tăng số lượng tế bào qua quá trình phân chia.

3. Sự tăng kích thước của từng tế bào do trao đổi chất.

A.1, 2, 3 B.2, 3 C. 1, 3 D. 1, 2

**Câu 64.** Một tế bào trứng tiến hành phân chia liên tiếp 4 lần. Hỏi sau quá trình này, số tế bào con được tạo thành là bao nhiêu ?

A. 32 B. 4 C. 8 D. 16

**Câu 65.** Trong các loại tế bào dưới đây, tế bào nào có kích thước lớn nhất ?

A. Tế bào vi khuẩn B. Tế bào trứng ếch

C. Tế bào thịt quả cà chua D. Tế bào vảy hành

**Câu 66.** Cho các diễn biến sau :

1. Hình thành vách ngăn giữa các tế bào con

2. Phân chia chất tế bào

3. Phân chia nhân

Sự phân chia tế bào thực vật diễn ra theo trình tự như thế nào ?

A. 3 - 1 – 2 B. 2 - 3 - 1

C. 1 - 2 – 3 D. 3 - 2 – 1

**Câu 67.** Tế bào thực vật gồm những thành phần nào?

A. Vách tế bào, màng sinh chất, chất tế bào, nhân, không bào, lục lạp

B. Nhân, không bào, lục lạp

C. Màng sinh chất, chất tế bào, nhân, lục lạp

D. Màng sinh chất, chất tế bào, không bào

**Câu 68.** Tế bào nhân sơ được cấu tạo bởi ba thành phần chính là

A. Màng sinh chất, tế bào chất vùng nhân

B. Tế bào chất, vùng nhân, các bào quan

C. Màng sinh chất, các bào quan, vùng nhân

D. Nhân phân hóa, các bào quan, màng sinh chất

**Câu 69.** Cấu trúc nào sau đây thuộc loại tế bào nhân sơ?

A. Virut B. Tế bào thực vật

C. Tế bào động vật D. Vi khuẩn

**Câu 70.** Đặc điểm có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật

A. Trong tế bào có nhiều loại bào quan

B. Có thành tế bào bằng chất xenlulose

C. Nhân có màng bao bọc

D. Chất tế bào là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào

**CHỦ ĐỀ 7: TỪ TẾ BÀO ĐẾN CƠ THỂ**

**Câu 71:** Cơ thể đơn bào là cơ thể được cấu tạo từ:

A.hàng trăm tế bào. B.hàng nghìn tế bào.

C.một tế bào. D.một số tế bào.

**Câu 72:** Sinh vật không có cấu tạo đơn bào là :

A.Trùng Giày B.Trùng roi.

C.Cá chép D.Trùng biến hình

**Câu 73:** Tế bào có cấu tạo nên cơ thể đơn bào là :

A.Chưa có cấu tạo hoàn chỉnh

B.Thực hiện được chức năng của một cơ thể sống

C.Có kích thước siêu hiển vi

D.Chưa có chức năng sinh sản

**Câu 74 :** Cơ thể đa bào là:

A.Được cấu tạo từ nhiều tế bào B. Được cấu tạo từ một tế bào

C. Có kích thước siêu hiển vi D. Chưa thực hiện được chức năng sinh sản

**Câu 75:** Hầu hết các sinh vật có kích thước khác nhau là do đâu ?

A.Số lượng tế bào khác nhau B.kích thước tế bào khác nhau

C.Mức độ tiến hóa của sinh vật D.Môi trường sống của sinh vật

**Câu 76:** Thế nào là một vật sống?

A.Là vật có khả năng di chuyên

B.là vật có thể thay đổi về hình dạng, kích thước

C.Là vật có khả năng quang hợp

D.Là vật có khả năng thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản

**Câu 77 :** Sinh vật nào khác nhóm với các sinh vật còn lại?

A.Cây dâu tây B.Con bò

C.Vi khuẩn D.Cây xương rồng

**Câu 78:** Cấp độ thấp nhất hoạt động độc lập trong cơ thể đa bào là?

A. Hệ cơ quan B. Cơ quan

C. Mô D. Tế bào

**Câu 79:** Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng hình thành nên:

A. Tế bào B. Mô

C. Cơ quan D. Hệ cơ quan

**Câu 80:** Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm:

A. Hệ rễ và hệ thân B. Hệ thân và hệ lá

C. Hệ chồi và hệ rễ D. Hệ cơ và hệ thân

Quan sát một số cơ quan trong hình dưới đây để trả lời câu 81 và câu 82.



**Câu 81:** Cơ quan (1) thuộc hệ cơ quan nào sau đây?

A. Hệ tuần hoàn

B. Hệ thần kinh

C. Hệ hô hấp

D. Hệ tiêu ho

**Câu 82:** Hệ tiêu hoá gồm các cơ quan nào?

A. (2), (3) B. (3), (4)

C. (3), (5) D. (3), (6)

**Câu 83:** Trong cơ thể người gồm mấy loại mô chính ?

A. 2 B. 3 C.4 D. 5

**Câu 84:** Ở cơ thể người, cơ quan nào dưới đây nằm trong khoang ngực?

A. Não      B. Phổi C. Thận       D. Dạ dày

**Câu 85:** “Tế bào là … (1) … của cơ thể”. Hãy cho biết (1) là gì?

A. Đơn vị tổ chức duy nhất B. Đơn vị tổ chức cao nhất

C. Đơn vị tổ chức cơ bản D. Đơn vị tổ chức thấp nhất

**Câu 86:** Hoàn thành đoạn thông tin sau:

Trong cơ thể đa bào, (1) ... thường được sắp xếp vào trong các mô, các cơ quan và các hệ cơ quan. (2) ... là tập hợp các tế bào giống nhau cùng phối hợp thực hiện một chức năng nhất định. Chẳng hạn, hệ thần kinh của bạn được tạo thành từ (3) ... (gồm các tế bào thần kinh), mô bì, mô liên kết. Nó chỉ đạo các hoạt động và quy trình của cơ thể sống. Vậy (1), (2) và (3) lần lượt là:

**A.** Tế bào, mô, mô thần kinh

B. Tế bào, hệ cơ quan, tế bào thần kinh

C. Bào quan, mô, mô thần kinh

D. Bào quan, hệ cơ quan, tế bào thần kinh

**Câu 87: Khi nói về mô, nhận định nào dưới đây là đúng?**

A. Các tế bào trong một mô không phân bố tập trung mà nằm rải rác khắp cơ thể

B. Gồm những tế bào đảm nhiệm những chức năng khác nhau

C. Gồm những tế bào có hình dạng và chức năng giống nhau

D. Gồm những tế bào có hình dạng và chức năng khác nhau

**Câu 88:** Sơ đồ nào sau đây thể hiện đúng mối quan hệ của năm cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào từ nhỏ đến lớn.

A. Tế bào -› Mô -› Cơ quan -› Hệ cơ quan -› Cơ thể

B. Cơ thể -› Hệ cơ quan -› Cơ quan -› Mô -› Tế bào

C. Tế bào -› Mô -› Hệ cơ quan -› Cơ thể

D. Cơ thể -› Hệ cơ quan -› Mô -› Cơ quan -› Tế bào

**Câu 89:** Khi mất khả năng dung nạp chất dinh dưỡng, cơ thể chúng ta sẽ trở nên kiệt quệ, đồng thời khả năng vận động cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Ví dụ trên phản ánh điều gì?

A. Các hệ cơ quan trong cơ thể có mối liên hệ mật thiết với nhau

B. Dinh dưỡng là thành phần thiết yếu của cơ và xương

C. Hệ thần kinh và hệ vận động đã bị hủy hoại hoàn toàn do thiếu dinh dưỡng

D. Hệ tiêu hoá và hệ vận động đã bị hủy hoại hoàn toàn do thiếu dinh dưỡng

**CHỦ ĐỀ 8 (Bài 22: Phân loại thế giới sống)**

**Câu 90.** Thế giới sinh vật được chia vào các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo trật tự.

A. Loài – chi – họ- bộ- lớp- ngành- giới.

B. Loài – họ - chi - bộ- lớp – ngành - giới.

C. Giới - ngành - bộ - lớp - họ - chi – loài.

D. Giới - họ - lớp – ngành - bộ - họ - chi - loài.

**Câu 91.** Trùng roi là đại diện của giới

A. Khởi sinh B. Nguyên sinh. C. Thực vật. D. Động vật.

**Câu 92.** Hiện nay có mấy cách để gọi tên sinh vật?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 93.** Điều quan trọng nhất khi xây dựng khóa lưỡng phân là gì?

A. Phải tìm được các đặc điểm về hình thái, kích thước…

B. Phải tìm được các đặc điểm về hình thái, kích thước …giống nhau

C. Phải tìm được các đặc điểm về hình thái, kích thước …tương tự nhau

D. Phải tìm được các đặc điểm về hình thái, kích thước …đối lập nhau

**Câu 94.** Cho các tiêu chí sau:

(1) Đặc điểm tế bào.

(2) Mức độ tổ chức cơ thể.

(3) Môi trường sống.

(4) Kiểu dinh dưỡng.

(5) Vai trò trong tự nhiên và thực tiễn.

Những tiêu chí nào được dùng để phân loại sinh vật?

A. (1), (2), (3), (5). B. (2), (3), (4), (5).

C. (1), (2), (3), (4). D. (1), (3), (4), (5

**Câu 95.** Nhiệm vụ của phân loại thế giới sống là

A. Tìm ra những đặc điểm của giới sinh vật.

B. Phát hiện những sinh vật mới.

C. Đưa ra những tiêu chuẩn phân loại với trật tự nhất định.

D. Phát hiện, mô tả, đặt tên và sắp xếp sinh vật.

**Câu 96.** Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?

A. Loài - Chi – Họ – Bộ - Lớp - Ngành – Giới.

B. Chi – Loài – Họ - Bộ - Lớp - Ngành - Giới.

C. Giới - Ngành - Lớp - Bộ Họ – Chi – Loài.

D. Loài - Chi – Bộ – Họ - Lớp – Ngành – Giới.

**Câu 97.** Cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?

A. Khởi sinh. B. Nguyên sinh.

C. Nấm. D. Thực vật.

**Câu 98.** Cách gọi “cá quả” là cách gọi tên theo

A. Tên khoa học.

B. Tên địa phương.

C. Tên giống.

D. Cách tra theo danh mục.

**Câu 99.** Tên khoa học của cây lúa là Oryza sativa (Linnaeus). Vậy tên loài là

A. Oryza. B. Sativa.

C. Linnaeus. D. Oryza sativa

**Câu 100 .** Theo Whittaker phân loại thì có bao nhiêu giới sinh vật?

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

**Câu 101.** Vi khuẩn thuộc Giới nào sau đây

A. Giới Thực vật. B. Giới Nguyên sinh.

C. Giới Khởi sinh. D. Giới Động vật.

**Câu 102.** Đặc điểm nào dưới đây là đúng khi nói về Giới Nấm?

A. Có cấu tạo tế bào nhân thực. B. Đời sống hoàn toàn tự dưỡng.

C. Cấu trúc hoàn toàn đa bào. D. Đại diện là tảo, vi khuẩn lam, …

**Câu 103.** Đặc điểm nào dưới đây **không** đúng khi nói về giới Thực vật?

A. Di chuyển tự do trong nước. B. Thực hiện quang hợp thải Oxygen.

C. Môi trường sống đa dạng. D. Có cấu tạo đa bào, nhân thực.

**Câu 104.** Đại diện nào sau đây thuộc giới Khởi sinh?

A. Tảo lục. B. Trùng roi.

C. Nấm men. D. Vi khuẩn E. coli.

**Câu 105.** Đặc điểm của giới Nguyên sinh là:

A. Có cấu tạo tế bào nhân sơ. B. Sống trên môi trường cạn hoặc kí sinh.

C. Đại diện trùng roi, tảo,... D. Sống hoàn toàn tự dưỡng.

**II/ TỰ LUẬN:**

**Câu 1.** Trên một số bình nước khoáng thường có ghi dòng chữ “Nước khoáng tinh khiết”. Theo em ý nghĩa của dòng chữ này có hợp lý không? Tại sao?

**Câu 2.** Tại sao trên các vỏ hộp đựng 1 số sản phẩm như sữa cacao, sữa socola có ghi dòng hướng dẫn “Lắc đều trước khi sử dụng”

**Câu 3.** a. Không khí là hỗn hợp đồng nhất hay không đồng nhất? Kể tên thành phần và tỉ lệ của các chất có trong không khí?

b. Khí nitơ và khí oxi là hai thành phần chính của không khí. Trong kĩ thuật người ta có thể hạ thấp nhiệt độ để hóa lỏng không khí. Biết nitơ lỏng sôi ở -196oC, oxi lỏng sôi ở -183oC. Làm thế nào để tách riêng khí nitơ và khí oxi ra khỏi không khí?

**Câu 4.** Trong nước biển có hòa tan nhiều muối, cứ trung bình 100g nước biển có 3,5 g muối tan. Hỏi từ 1 tấn nước biển sẽ thu được bao nhiêu kg muối ăn?

**Câu 5.** Một phòng học có chiều dài 12m, chiều rộng 7m và chiều cao 4m.

a. Tính thể tích không khí và thể tích oxygen có trong phòng học. Giả thiết oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí trong phong phòng học đó.

b. Lượng oxygen trong phòng có đủ cho 50 em học sinh trong lớp học hô hấp trong mỗi tiết học 45 phút không? Biết rằng bình quân mỗi phút học sinh hít vào thở ra 16 lần và mỗi lần hít vào sẽ lấy từ môi trường 100ml khí oxygen.

c. Tại sao phòng học không nên đóng cửa liên tục? Em nên làm gì sau mỗi tiết học 45 phút?

**Câu 6.**

1. Nêu tên các thành phần chính của tế bào ?
2. Phân biệt tế bào nhân sơ với tế bào nhân thực. Vì sao tế bào vi khuẩn là tế bào nhân sơ ?
3. Phân biệt tế bào thực vật với tế bào động vật.

**Câu 7.** Cho các sinh vật sau: vi khuẩn lao, chim bồ câu, vi khuẩn E. coli, đà điểu, cây thông, trùng roi, cây táo, trùng biến hình, tảo lục đơn bào, cây lúa. Hãy sắp xếp các đại diện trên vào đúng bằng cách tích dấu x

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên sinh vật | Đơn bào | Đa bào |
| 1 | vi khuẩn lao |  |  |
| 2 | chim bồ câu |  |  |
| 3 | vi khuẩn E. coli |  |  |
| 4 | đà điểu |  |  |
| 5 | cây thông |  |  |
| 6 | trùng roi |  |  |
| 7 | cây táo |  |  |
| 8 | trùng biến hình |  |  |
| 9 | tảo lục |  |  |
| 10 | Cây lúa |  |  |

**Câu 8.** Tìm hiểu các giai đoạn (độ tuổi) phát triển của cơ thể người, em hãy cho biết mình đang thuộc độ tuổi nào ? Tìm hiểu tốc độ tăng trưởng thể chất trong độ tuổi này và quá trình nào của tế bào tham gia vào sự tăng trưởng đó. Em hãy đưa ra các lưu ý về chất dinh dưỡng, chế độ luyện tập và nghỉ ngơi để cơ thể có thể phát triển thể chất tối đa.

**Câu 9. Hãy hoàn thành bảng sau:**



**Câu 10. Quan sát sơ đồ dưới đây và hoàn thành các yêu cầu sau:**

1. Viết tên các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào vào cột A
2. Nối tên các cấp độ tổ chức trong cơ thể ở cột A tương ứng với các hình được đánh số ở cột B
3. Gọi tên các cơ quan ở vị trí số (4) và cho biết đây là hệ cơ quan nào trong cơ thể người.
4. Dự đoàn điều gì sẽ xảy ra nếu một trong những cơ quan thuộc hệ cơ quan số (4) bị tổn thương.



**ĐÁP ÁN ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**Môn: Khoa học tự nhiên 6**

*Năm học: 2021 – 2022*

**I/ TRẮC NGHIỆM:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** | **41** | **42** | **43** | **44** | **45** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **46** | **47** | **48** | **49** | **50** | **51** | **52** | **53** | **54** | **55** | **56** | **57** | **58** | **59** | **60** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **61** | **62** | **63** | **64** | **65** | **66** | **67** | **68** | **69** | **70** | **71** | **72** | **73** | **74** | **75** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **76** | **77** | **78** | **79** | **80** | **81** | **82** | **83** | **84** | **85** | **86** | **87** | **88** | **89** | **90** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **91** | **92** | **93** | **94** | **95** | **96** | **97** | **98** | **99** | **100** | **101** | **102** | **103** | **104** | **105** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II/ TỰ LUẬN:**